

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-6-2023

*V/v: Không công nhận quan hệ hôn
nhân giữa nam nữ chung sống với
nhau như vợ chồng mà không ĐKKH*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Thanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Huy Vượng và ông Trịnh Đình Hòa.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Tân Uyên.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lò Văn Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2023, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 mà không đăng ký kết hôn theo quy định. Việc vợ chồng về chung sống với nhau là do cả hai tự nguyện. Quá trình chung sống giữa chị và anh Q không có hạnh phúc nhưng vì các con còn nhỏ nên chị vẫn nhẫn nhịn để vợ chồng nuôi dạy con. Tuy nhiên đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng thường

xuân xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Đỉnh điểm là khoảng tháng 9/2021 anh Q thường xuyên rượu chè, cờ bạc. Khi chị khuyên nhủ thì anh Q đánh chửi chị. Sự việc cũng đã được chính quyền địa phương và gia đình hai bên can thiệp, hòa giải, động viên cho hai vợ chồng nhưng chị nhận thấy anh Q không thay đổi bản thân, không lo cho gia đình và phá tán các tài sản. Sau sự việc vợ chồng đánh chửi nhau vào tháng 9 năm 2021 thì chị và anh Q cũng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh Q không còn quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Đặc biệt là đến thời điểm hiện tại chị cũng không còn tình cảm gì với anh Q nên chị giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Trường hợp Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Q thì chị cũng hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì vì chị và anh Q không đăng ký kết hôn theo quy định.

Về con chung: Quá trình chị và anh Q chung sống với nhau thì có hai con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/5/2010 và Lò Văn Q, sinh ngày 19/02/2013 hiện nay cả hai con chung đang sinh sống cùng anh Q và mẹ đẻ của anh Q. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lò Thị H và đề nghị Tòa án giao con chung là Lò Văn Q cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa chị nhận thấy con chung Lò Thị H có nguyện vọng là được ở với anh Q ngoài ra anh Q cũng có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con nên chị đồng ý với ý kiến của anh Q là giao hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Ngoài ra do anh Q không yêu cầu chị phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên chị không có ý kiến gì.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai anh Q trình bày:

Anh và chị A về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 mà không đăng ký kết hôn theo quy định. Việc về chung sống giữa anh và chị A là do tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống giữa anh và chị A hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Đỉnh điểm là khoảng tháng 9/2021 vợ chồng cãi vã, mắng chửi lẫn nhau. Sự việc cũng đã được chính quyền địa phương và gia đình can thiệp hòa giải, động viên cho hai vợ chồng nhưng không tìm được tiếng nói chung. Sau lần vợ chồng đánh chửi, cãi vã lẫn nhau khoảng tháng 9/2021 thì anh và chị A cũng sống ly thân nhau, chị A bỏ về nhà mẹ đẻ tại bản Tho Ló, xã Nậm Sỏ để sinh sống, còn anh thì vẫn cùng các con sinh sống tại bản Đán Tuyển, xã Nậm Sỏ. Trong suốt thời gian ly thân đó anh và chị A cũng không quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Hiện tại bản thân anh cũng không còn tình

cảm gì với chị A, nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh nhất trí ly hôn với chị A để vợ chồng giải thoát cho nhau. Trường hợp Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị A thì anh cũng hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

- Về con chung: Anh xác nhận trong quá trình chung sống anh và chị A có hai con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/5/2010 và Lò Văn Q, sinh ngày 19/02/2013, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh và bà nội của các cháu tại bản Đán Tuyền, xã Nậm Sỏ. Anh không nhất trí giao con chung Lò Thị H cho chị A nuôi dưỡng mà sau khi ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi hai con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Nếu được nuôi con theo nguyện vọng thì anh không yêu cầu chị A phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung thì anh và chị A sẽ tự thoả thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ngày 09/5/2023 Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Kết quả xác minh cho thấy: Anh Q, sinh năm 1987 và chị A, sinh năm 1988 cùng trú tại bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc về chung sống như vợ chồng giữa anh Q và chị A là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Từ khi về chung sống như vợ chồng với nhau thì anh Q và chị A sinh sống tại bản Đán Tuyền, xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Quá trình anh Q và chị A chung sống cùng nhau tại bản Đán Tuyền, xã Nậm Sỏ thì có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mắng chửi, đánh đập lẫn nhau. Ngày 07/01/2022 UBND xã Nậm Sỏ đã tiến hành hoà giải sự việc giữa anh Q và chị A về việc anh Q đánh, chửi chị A. Tuy nhiên sau khi UBND xã Nậm Sỏ tiến hành hoà giải thì chị A và anh Q không hàn gắn được tình cảm và không tiếp tục cùng nhau chung sống nữa. Hiện nay chị A và anh Q không còn chung sống cùng nhau nữa. Chị A hiện đã về nhà mẹ đẻ tại bản Tho Ló, xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu để sinh sống, còn anh Q tiếp tục sinh sống tại bản Đán Tuyền, xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống với nhau thì anh Q và chị A có 02 con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/5/2010 và Lò Văn Q, sinh ngày 19/02/2013. Hiện nay cả hai con chung đều đang sinh sống với anh Q tại bản Đán Tuyền, xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

* Ngày 11/5/2023 chị A có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải với lý do bản thân không còn tình cảm gì với anh Q, kể từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị và anh Q đã được chính quyền địa phương cùng gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành.

* Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh Q. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/5/2010 và Lò Văn Q, sinh ngày 19/02/2013 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu; về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do chị A và anh Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, ngoài ra chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Q cư trú tại bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị A về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc về chung sống như vợ chồng giữa anh Q và chị A là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Từ khi về chung sống với nhau như vợ chồng thì anh Q và chị A sinh sống tại bản Đ, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống thì chị A và anh Q có xảy ra mâu thuẫn. Định điểm là tháng 9/2021 giữa anh Q và chị A đã xảy ra

cãi vã, mắng chửi, đánh đập lẫn nhau, sau đó chị A và anh Q sống ly thân nhau. Ngày 07/01/2022 UBND xã Nậm Sỏ đã tiến hành hoà giải mâu thuẫn giữa anh Q và chị A nhưng cả hai đều không tìm được tiếng nói chung và tiếp tục sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Đặc biệt là đến thời điểm hiện tại chị A cũng không còn tình cảm gì với anh Q nên chị giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q và anh Q cũng nhất trí ly hôn với chị A thông qua biên bản lấy lời khai tại Tòa án. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh Q là quan hệ hôn nhân không hợp pháp nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh Q theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống với nhau như vợ chồng chị A và anh Q có 02 con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/5/2010 và Lò Văn Q, sinh ngày 19/02/2013. Theo đơn khởi kiện chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Lò Thị H và đề nghị giao con chung Lò Văn Q cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Q không nhất trí giao con chung Lò Thị H cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mà anh có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi hai con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tại biên bản lấy ý kiến của con chung Lò Văn Q và Lò Thị H ngày 09/5/2023, cháu Q và cháu H đều có nguyện vọng là được ở với anh Q. Tại phiên tòa chị A nhất trí giao hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị A nhất trí giao cả hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ khi chấm dứt việc chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chung Lò Thị H. Do đó Hội đồng xét xử cần xem xét, chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q không yêu cầu chị A phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn chị A và bị đơn anh Q đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lò Thị H, sinh ngày 08/5/2010 và Lò Văn Q, sinh ngày 19/02/2013 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q không yêu cầu chị A phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001470 ngày 06/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lương Văn Thanh

